

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1228/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 18/12/2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân;
Ông Nguyễn Ron

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện VKSND TP Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Thuận – Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn – tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 918/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2023/QN-ST-HNGĐ, ngày 14/11/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Trần Đăng L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 2, KV4, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

*** Bị đơn** : Chị Phạm Thị K, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ 2, KV4, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn anh Trần Đăng L trình bày:** Anh L và chị K tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 2011, đến năm 2022 ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự số: 36/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 04/3/2022 của Toà án nhân dân TP. Quy Nhơn, sau đó đến tháng 5/2023 anh và chị K kết hôn lại, đăng ký kết hôn lại tại ủy ban nhân dân P. Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã với nhau không tự hòa giải được, vợ chồng đã sống ly thân từ sau khi kết hôn đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn chị K để ổn định cuộc sống.

Vợ chồng có 02 con chung tên: Trần L N, sinh ngày 08/10/2012 và Trần Tuệ Nhi, sinh ngày 22/5/2019, hiện nay 02 con đang ở với anh L, sức khoẻ bình thường; Ly hôn anh xin nuôi 02 con, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Toà giải quyết.

Hiện nay anh L và chị K không có nợ chung.

Bị đơn Chi Phạm Thị K được Tòa tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập họp lệ để chị K đến tòa khai báo, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị K không đến và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo quy định pháp luật tố tụng Dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án :

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử;

Tại phiên Toà HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L đối với chị K; Về con chung: Giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung; Anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét;

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội anh L phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn chị Phạm Thị K vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Toà tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung; Bị đơn đang cư trú tại Tổ 2, KV4, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn theo quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, 56, 81.82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nội dung tranh chấp: Anh L và chị K tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 2011, đến năm 2022 ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự số: 36/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 04/3/2022 của Toà án nhân dân TP. Quy Nhơn, sau đó đến tháng 5/2023 anh và

chị K kết hôn lại, đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân P. Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã với nhau không tự hòa giải được, vợ chồng đã sống ly thân từ sau khi kết hôn đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn chị K để ổn định cuộc sống.

Biên bản xác minh ngày 19/10/2023 tại địa phương cung cấp: Anh L và chị K sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Tổ 2, KV4, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị K thường bỏ nhà đi khoảng 10 bữa nửa tháng rồi trở về, nhưng nguyên nhân nào mâu thuẫn thì địa phương không biết, vì khi mâu thuẫn không có báo chính quyền địa phương; Anh L và chị K có 02 con chung chưa thành niên, nếu ly hôn ai đủ điều kiện nuôi con hay không địa phương cũng không thể biết được.

HĐXX xét thấy: Mâu thuẫn giữa anh L và chị K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của anh L đối với chị K.

Trong quá trình chung sống anh L và chị K có 02 con chung tên: Trần L N, sinh ngày 08/10/2012 và Trần Tuệ Nhi, sinh ngày 22/5/2019, hiện nay 02 con đang ở với anh L, sức khỏe bình thường; Ly hôn anh xin nuôi 02 con, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy: Cháu Trần L N, sinh ngày 08/10/2012 và cháu Trần Tuệ Nhi, sinh ngày 22/5/2019 hiện nay đang ở với anh L; Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, ổn định cuộc sống về tâm sinh lý của cháu N và cháu Nhi nên HĐXX giao cháu N và cháu Nhi cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Đăng L ly hôn chị Phạm Thị K.
 - 2- Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần L N, sinh ngày 08/10/2012 và Trần Tuệ Nhi, sinh ngày 22/5/2019 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.
- + Việc cấp dưỡng nuôi con: Anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được ngăn cản, nếu lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3-Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

4- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh L phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000647 ngày 03/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Anh L đã nộp đủ án phí.

Anh L quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã phường nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Đường sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM -
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thân Trọng Hiền

